

-기 이를 데 없다

vô cùng, không sao tả xiết

Từ nhấn mạnh với nghĩa cảm xúc đã lên đến tột cùng, không thể hơn được nữa. Rất gần với -기 짝이 없다 — nên học hai cái này cùng nhau.

■ Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-기 이를 데 없다	안타깝다 → 안타깝기 이를 데 없다
Tính từ 하다	-기 이를 데 없다	참혹하기 이를 데 없다
Trước danh từ	-기 이를 데 없는	참담하기 이를 데 없는 광경
Cảm xúc phải	không mong muốn	기쁘기 이를 데 없다 nghe lạ
Viết cách	데 là danh từ	이를 데 없다
Cụm phổ biến hơn	-기 짝이 없다	안타깝기 짝이 없다

■ Khi nào dùng

Gắn -기 이를 데 없다 vào gốc tính từ — không có quy tắc nguyên âm, không có thì ở phía trước. 데 là danh từ nên có dấu cách ở cả hai bên.

Giống như 짝이 없다, cảm xúc phải là không mong muốn. 이르다 ở đây nghĩa là đạt tới; 이를 데 없다 nói rằng cảm xúc không còn chỗ nào để đạt tới xa hơn nữa.

Khác biệt giữa hai cụm này nhỏ và chủ yếu là về tần suất. 짝이 없다 là cụm phổ biến hơn; 이를 데 없다 nghe văn chương hơn một chút và hay xuất hiện trong văn xuôi cổ hoặc trang trọng hơn.

Một cụm liên quan dùng hằng ngày, 더할 나위 없다, lại hoạt động theo chiều ngược lại: nó là lời khen.

■ Ví dụ trong câu

- 1 그 소식을 듣고 안타깝기 이를 데 없었습니다.
Nghe tin đó, tôi tiếc thương vô cùng.
- 2 현장은 참혹하기 이를 데 없었다.
Cảnh tượng thảm khốc không sao tả xiết.
- 3 그런 처사는 부당하기 이를 데 없다.
Sự đối xử như vậy là bất công đến cùng cực.
- 4 참담하기 이를 데 없는 결과였다.
Đó là một kết quả thảm hại không lời nào tả được.
- 5 직접 만든 것치고는 조잡하기 이를 데 없었다.
Nói là đồ thủ công mà thô kệch không tả nổi.
- 6 그의 태도는 무례하기 이를 데 없었어요.
Thái độ của anh ta vô lễ hết mức.

■ So sánh với

-기 짝이 없다
Gần như giống hệt về nghĩa và giới hạn. 짝이 없다 là cụm bạn sẽ gặp thường xuyên hơn; cụm nào cũng hợp với hầu hết các câu.
안타깝기 짝이 없다. / 안타깝기 이를 데 없다.

더할 나위 없다
Cụm đối lập mang nghĩa tích cực. 더할 나위 없다 nói không thể thêm gì được nữa — sự hoàn hảo. 이를 데 없다 nói sự tồi tệ không có giới hạn.
더할 나위 없이 좋았다. (tuyệt vời không gì bằng) / 참담하기 이를 데 없었다. (thảm hại vô cùng)

-(으)ㄴ 정도로
Đến mức đo cường độ so với một ngưỡng được nêu ra; 이를 데 없다 tuyên bố rằng nó không thể đo được.
말도 못 할 정도로 참혹했다. / 참혹하기 이를 데 없었다.

■ Lưu ý

- ✗ 합격해서 기쁘기 이를 데 없습니다.
○ 합격해서 더할 나위 없이 기쁩니다.
Cụm này nhấn mạnh cảm xúc không mong muốn. Với niềm vui, cần một từ nhấn mạnh mang nghĩa tích cực.
- ✗ 그 태도는 무례하기 이를 데 없었다.
○ 그 태도는 무례하기 이를 데 없었다.
데 là danh từ và có dấu cách ở cả hai bên.
- ✗ 야, 그거 웃기기 이를 데 없어.
○ 야, 그거 진짜 웃겨.
Cụm này trang trọng và thuộc văn viết. Trong hội thoại nghe như đang đọc xã luận.